14. Văn-phạm: Grammatical forms

a. Chữ đầu câu : Initial particles

xang	đã	first
xang meh	rồi	then
hmă	mặc dầu	even though
kiăo	theo	according to
jâh	nếu	if
bĕ	đi	imperative
pă li	đâu có	emphatic denial ('wherein')
dơdĕk	thật	indeed
kŭ	cứ	continue
mah	đến nỗi	to the point that, so much that
nŏk ga	dĩ nhiên	of course
bĭ ôh	không đâu	(emphatically)not
bôi	đừng	don't
kơlih	vì có	because
mă gơgâl	trước hết	at first
a, tŏ	chỉ có	only
ŭng i	hồi nãy	just now
hloi	ngay	immediately

b. Trợ-động-từ : Preverbal auxiliaries

ˢnaơ	mới	just
duh	cũng	also
oei	còn	still
tam	chưa	not yet
hâm	không?	yes-no question marker
bĭ	không	not

14. Văn-phạm : Grammatical forms

bĭ kĭ	không nổi	to be unable
jah	được	able
thei	phải	must
xang	xong, đã	already, past
hơdrin	rán	vigorously
bĭ lali	không bao giờ	never
bĭ khŏ	không thể	can't, be unable
khŏ	được	be able

c. Hậu-trí-từ : Final particles

boih	rồi	already
ha	hả	Is that so?
dĭ	không?	yes-no question
'mom	chớ	indeed
dơděk	thật	indeed
dĕk	thôi	only
hâu	nhé	OK?
pă li	đâu	at all
nao, yao	nữa	further, anymore
jat	quá	very, indeed
dĭ dăng, túm	cả	at all
thoi meh	vậy đương	indeed, like so
jŏ	chắc	surely
bĕ	đi	imperative

d. Giới-từ : Prepositions

cha dăl	cho đến	until
ĩng	từ	from
pă	ở, tại	at
truh, pă	đến	to
lâm	trong	in
păng	với	with
ăm	cho	for
ah pêng	ở trên	above
ah	đằng	at
gah	phía	towards
kơ'nâm	dưới	under
rok	dọc	along (the route)

(Cf. 13. e)

e. Trạng-từ : Adverbs

jat	lắm, quá	very
hmân jat	nhiều quá	very much, many
dĩ	hết	completely
hloi	luôn, tức-khắc	immediately, continually
pơpŭk pơpăk	miết	continuously
hloi	tuốt	thoroughly, completely
hơdar hơdar	lần-lần	little by little
mŏi iă	một chút	a little
hrĕng	mau	fast, quickly
dâng	chừng	about, approximately

mŏi dua	như nhau	alike
bĭ hơmau lŏ	bất-tử	suddenly unpremeditated
'lâng kra 'lâng kra	từ-từ	gently, slowly

(Cf. 13.1)

f. Liên-từ : Connectives

yua kơ	bởi vì	because
ha	hay	or
jâh	nếu	if
chŏng	mà, nhưng	but
păng	và	and
thọi	như	like
thoi meh	như đó	like that
thoi meh	như vậy, nầy	like so

g. Thán-từ : Exclamations

wây, yih	chà	surprise
yei	ĭ	mild discontent
'bo	thôi	say no more
lŏi 'lăk	thây dệ	never mind
ôi	ơi	hey!

h. Vấn-từ : Interrogatives

yua nĕ	tai sao	why

14. Văn-phạm : Grammatical forms

yă nĕ	cái gì	what
pă li	đâu	where
thoi li	thế nào, sao	how
dă li	cái nào	which, whichever
li	nào	which
lali	khi nào	when
dôm li	bao nhiêu	how much

i. Vân vân : Miscellaneous

khŭl	thứ	kind, type(of thing)
tơdrong	chuyện, việc	matter, story
leh	lần	time, occurence
túm	các	plural, group
dôm	mấy	pl., as for them
nĕ nĕ nao	vân vân	et cetera
chu	chữ	letter
nâr	tiếng	word, language
trong	câu	sentence
chăl	đoạn	chapter
dih	của	possession, of
hloh	hơn hết	superlative, '-est'
loy	hơn	comparative, '-er'

Tủ-Sách Ngôn-Ngữ
Dân-Tộc Thiểu-Số Việt-Nam

Cuốn 19
Phần 1

NGỮ-VỰNG RƠNGAO

RENGAO VOCABULARY

Kenneth and Marilyn Gregerson

Summer Institute of Linguistics
Viện Chuyên-Khảo Ngữ-Học

28 E 72
1977